

Bản án số: 224/2019/DS-PT

Ngày: 11-11-2019

V/v: “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại
do cơ quan tiến hành tố tụng gây
ra trong hoạt động tố tụng hình sự*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Võ Ngọc Thông**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2019 về: “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại do cơ quan tiến hành tố tụng gây ra trong hoạt động tố tụng hình sự*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1487/2019/QĐ-PT ngày 28/10/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **Dương Văn H**; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị (văn bản ủy quyền ngày 16/7/2018). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

- Luật sư **Võ Công H** - Công ty Luật TNHH MTV C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Luật sư **Lê Văn L** – VPLS V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

*** Bị đơn:** Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị; địa chỉ trụ sở: Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn T** - Trưởng phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm hình sự (Phòng 7) (Văn bản ủy quyền số 1151A/GUQ-VKS-P7 ngày 09/8/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị). Có mặt.

*** Người làm chứng:**

- Bà **Trần Thị C**; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Ông **Nguyễn Hữu B**; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Trần Đình Lợi**; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Phan T**; địa chỉ: Thôn G, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Ông **Nguyễn Văn H**; địa chỉ: Thôn G, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Danh T**; địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Văn T1**; địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị Hạnh**; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Ông **Hoàng Xuân Đ**; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Mai Văn K**; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Văn K1**; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Mai Văn V**; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Đức T2**; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Ông **Hoàng Văn V**; địa chỉ: huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Võ Xuân H**; địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Ông **Trần S**; địa chỉ: Thôn G, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Ông **Phạm Công T**; Thôn Trạng Rộng, xã Hải Thái, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị H**; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Bà **Trần Thị T**; địa chỉ: Thôn Bích La, xã Gio Châu, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị T**; địa chỉ: huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Văn H**; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Những người được Tòa án mời tham gia phiên tòa khác:***

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị. Người đại diện theo pháp luật ông **Nguyễn Đức C**, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (ghi ngày 8/11/2019).

- Đại diện Sở Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn tỉnh Quảng Trị có ông **Nguyễn Văn H**, chức vụ Phó giám đốc Sở; có mặt.

- Ông **Dương Trường B**, Công an tỉnh Quảng trị (đã nghỉ hưu); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Dương Văn H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/7/2007, ông Dương Văn H bị cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Quảng Trị khởi tố bị can, điều tra, truy tố, xét xử về tội “Làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật”. Đến ngày 31/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định đình chỉ bị can số 02/QĐ-KSĐT-KT đối với ông Dương Văn H. Đồng thời yêu cầu chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức hữu quan phục hồi các quyền và lợi ích hợp pháp đối với ông Dương Văn H.

Ngày 14/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 871/QĐ-VKS-P7 về việc giải quyết bồi thường đối với ông Dương Văn H. Sau khi nhận được quyết định giải quyết bồi thường, nhận thấy việc giải

quyết bồi thường là chưa thỏa đáng, chưa đúng với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ông H không đồng ý với nội dung quyết định giải quyết bồi thường này.

Ngày 28/6/2018, ông Dương Văn H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phải bồi thường tổng số tiền 17.893.220.910 đồng, bao gồm các khoản sau:

1. Bồi thường tổn thất tinh thần là 465.270.909 đồng (1.390.000 đồng/22 ngày x 02 ngày lương cơ sở x 3682 ngày);

2. Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là 16.286.900.000 đồng. Trong đó:

2.1. Thiệt hại vườn cao su ở xã T, huyện H bị hư hỏng là 1.653.700.000 đồng;

Vào tháng 8/2006, ông Dương Văn H có ký hợp đồng thuê đất với UBND xã T, huyện H diện tích đất 0,9 héc ta, nay giấy tờ đã bị thất lạc chỉ còn các giấy xác nhận của UBND xã T và Phòng Nông nghiệp huyện H; xác nhận của các cá nhân ông Trần Văn T3, ông Nguyễn Văn N, Nguyễn Hữu B, ông Hồ Công T (những cá nhân này trước đây là công N làm thuê cho ông H).

Mục đích thuê đất này để làm vườn ươm cây cao su giống tum bầu. Đến tháng 10/2006 thì ông H tiến hành cho công N cấy cây giống vào bầu để ươm. Trong thời hạn 1 năm cây sinh trưởng thì số cây giống ươm phải được bán kịp thời theo chu kỳ, nếu không bán kịp thời thì cây sẽ không sử dụng để trồng được.

Ngày 31/7/2007, bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Trị khởi tố bị can và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 06/8/2007. Do ông H bị khởi tố vụ án hình sự dẫn đến ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín nên không có đối tác đến mua cây, do đó cây ươm ra không bán được vì không có người chăm sóc nên toàn bộ số cây ươm bị hư hỏng.

Đến cuối năm 2009 thì ông H trả lại đất cho UBND xã T, có lập biên bản nhưng nay giấy tờ đã bị thất lạc. Diện tích đất 0,9 héc ta ông H đã trồng được 85.000 bầu, giá 1 bầu là 18.000 đồng, tổng cộng số tiền là 1.530.000.000 đồng.

Tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho ông Trần Văn T3 14.800.000 đồng, đây là số tiền đền bù cây cà phê mà ông T3 đã trồng trên đất ông H thuê.

Trả cho ông Nguyễn Văn N 42.500.000 đồng do ông H thuê ông N bảo vệ vườn ươm và chăm sóc cây (thời gian thuê ông N từ tháng 8/2006 đến 12/2007 là 17 tháng x 2.500.000 đồng/tháng).

Trả tiền công đóng bầu và bảo vệ vườn ươm cho bà Nguyễn Thị T (vợ ông N) số tiền 31.500.000 đồng (45.000 bầu x 700 đồng/bầu);

Tiền thuê máy móc mặt bằng 34.900.000 đồng trả cho ông Nguyễn Hữu K; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Thiệt hại do vườn cao su tại X, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị với số tiền 5.731.200.000 đồng;

Diện tích là 03 héc ta, đây là tài sản thuộc quyền sử dụng của gia đình ông H đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này cũng sử dụng làm vườn ươm trồng cây giống cao su tum bầu. Ươm được 318.400 bầu, giá 18.000 đồng/bầu. Ông H đã tiến hành ươm cây từ tháng 2/2006 đến tháng 10/2007 là phải thu hoạch nhưng do bị khởi tố nên bị ảnh hưởng đến uy tín, dẫn đến không có ai đến mua cây nên cây đã bị hư hỏng.

2.3. Thiệt hại của vườn ghép cây cao su tại vườn ươm X, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị là 1.800.000.000 đồng với diện tích 1 héc ta, diện tích đất này nằm trong tổng diện tích 04 héc ta đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Số lượng cây ghép cành là 150.000 cây (thời gian trồng cây bố mẹ bắt đầu từ tháng 9/2000 đến tháng 4/2002 tiến hành cắt cành để ghép) x 12.000 đồng/cành cây. Do ông H bị khởi tố nên số cây đã ghép cành không bán được dẫn đến hư hỏng gây thiệt hại.

2.4. Thiệt hại do trồng cây cao su tại tỉnh Bình Dương là 1.320.000.000 đồng (240.000 cây x 5.500 đồng/cây).

Ông H sử dụng diện tích đất 3 héc ta làm vườn ươm cây cao su tum trần mượn của bà Lê Thị S, sinh năm 1943; địa chỉ: tỉnh Bình Dương và trả tiền khoán chăm sóc vườn cây cho bà S, sau đó bà S thanh toán cho những người mà bà S thuê để chăm sóc vườn cây.

2.5. Thiệt hại do vườn cao su tại Nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào bị hư hỏng có trị giá 3.402.000.000 đồng.

Ông H trồng từ tháng 6/2006 đến tháng 6/2007 là phải bán cây cao su tum trần, cây bầu cắt ngọn. Số cây tum trần là 160.000 cây x 5.500 đồng/bầu = 880.000.000 đồng; cây tum bầu cắt ngọn là 189.000 bầu.

Do bị khởi tố nên cây không bán được. Diện tích đất trồng cây là 4 héc ta do ông H mượn của Bản xuống nhây, Lào.

2.6. Thiệt hại do vườn cao su tại huyện G, tỉnh Quảng Trị là 220.000.000 đồng; Diện tích làm vườn ươm là 0,5 héc ta, thời gian trồng từ tháng 10/2006 đến tháng 10/2007 phải thu hoạch. Diện tích đất này của gia đình ông H. Do bị khởi tố nên cây không bán được.

2.7. Thiệt hại vườn cây ươm bầu tiêu tại nhà ông Nguyễn Kim Q; địa chỉ: huyện H với số tiền 360.000.000 đồng.

Thời gian trồng từ tháng 2/2007 đến tháng 9/2007 là phải xuất bầu giống ươm tiêu. Ông H khoán toàn bộ cho ông Q chăm sóc. Do bị khởi tố nên không bán được cây.

2.8. Thiệt hại 1.800.000.000 đồng do vườn ươm tiêu của các hộ ông

Nguyễn Dân T, Nguyễn Văn H, Dương Văn T, Phan T đều ở tại xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Ông Trần Đình L, Nguyễn Hữu B, Nguyễn Văn T1 là những người đã tiến hành ươm và xuất cây cho Trường đại học nông lâm Huế được 1 lần. Do bị khởi tố nên số cây còn lại không bán được.

3. Bồi thường thiệt hại do thu nhập thu thực tế bị mất 610.000.000 đồng.

Ông H làm giám đốc Doanh nghiệp tư nhân T, lương mỗi tháng 5.000.000 đồng x 122 tháng.

4. Bồi thường thiệt hại do không thể thực hiện hợp đồng là 320.000.000 đồng. Số tiền này do ký hợp đồng mua bán cây giống cao su tum trần với Doanh nghiệp tư nhân H nhưng chưa lấy hết số cây còn lại nên bị lấy lại vốn 320.000.000 đồng.

5. Bồi thường các thiệt hại khác 211.050.000 đồng, bao gồm: Chi phí thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại, in ấn tài liệu: 10 năm x 8.340.000 đồng/năm = 83.400.000 đồng; chi phí gửi đơn thư: 10 năm x 1.390.000 đồng/năm = 13.900.000 đồng; chi phí thuê luật sư: 113.750.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Dương Văn H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị cho nguyên đơn được tạm ứng trước số tiền tổn thất tinh thần là 465.270.909 đồng.

Tại văn bản trình bày ý kiến số 1269/CV-KSV-P7 ngày 04/9/2018 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị trình bày:

Đơn yêu cầu bồi thường oan sai của ông Dương Văn H được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý ngày 16/01/2018 và ra quyết định giải quyết bồi thường ngày 14/6/2018.

Ngày 28/6/2018, ông H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong trường hợp này, VKSND tỉnh Quảng Trị là cơ quan có trách nhiệm bồi thường đối với ông Dương Văn H, quá trình giải quyết và thụ lý đơn yêu cầu bồi thường đều được thực hiện trước ngày 01/7/2018. Theo quy định tại khoản 1 Điều 78 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 thì yêu cầu bồi thường của ông Dương Văn H phải tiếp tục áp dụng Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 để giải quyết.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do cơ quan tiến hành tố tụng gây ra trong hoạt động tố tụng hình sự thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị. Tuy nhiên, giữa Viện kiểm sát và ông Dương Văn H đã qua thương lượng nhưng không thỏa thuận được nên ông H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Dương Văn H yêu cầu Viện kiểm sát tỉnh Quảng Trị bồi thường số

tiền 17.893.220.910 đồng. Trong đó:

1. Thiệt hại về tổn thất tinh thần là 465.270.909 đồng (1.390.000 đồng/22 ngày x 02 ngày lương cơ sở x 3682 ngày).

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị chỉ chấp nhận bồi thường 232.825.000 đồng (1.390.000 đồng/22 ngày x 01 ngày lương cơ sở x 3685 ngày). Lý do: VKSND tỉnh Quảng Trị tính thêm 03 ngày so với yêu cầu của ông Dương Văn H do có ngày nhuận và căn cứ vào khoản 1 Điều 78 của Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2017 về điều khoản chuyển tiếp để áp dụng giải quyết theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009. VKSND tỉnh Quảng Trị chấp nhận tính 3685 ngày bị tổn thất tinh thần cho ông Dương Văn H.

2. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị không chấp nhận bồi thường đối với các khoản yêu cầu khác cho ông Dương Văn H với tổng số tiền 16.286.900.000 đồng. Trong đó:

- Thiệt hại vườn cao su ở xã T, huyện H bị hư hỏng có trị giá là 1.653.700.000 đồng;

- Thiệt hại do vườn cao su tại X, xã G, huyện G có trị giá là 5.731.200.000 đồng;

- Thiệt hại của vườn cành ghép cây cao su tại vườn ươm X, xã G, huyện G có trị giá là 1.800.000.000 đồng.

- Thiệt hại do trồng cây cao su tại tỉnh Bình Dương có trị giá là 1320.000.000 đồng.

- Thiệt hại do vườn cao su tại Lào bị hư hỏng có trị giá 3.402.000.000 đồng.

- Thiệt hại do vườn cao su tại huyện G có trị giá là 220.000.000 đồng.

- Thiệt hại vườn cây ươm bầu tiêu tại nhà ông Nguyễn Kim Q; ở tại H có trị giá là 360.000.000 đồng.

- Thiệt hại với số tiền 1.800.000.000 đồng do vườn ươm tiêu của các hộ ông Nguyễn Danh T, Nguyễn Văn H, Dương Văn Thọ, Phan Văn Thành đều ở tại xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

- Thiệt hại do phạt hợp đồng với số tiền là 320.000.000 đồng.

3. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất 610.000.000 đồng.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị không chấp nhận bồi thường với lý do: Tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư 05/2012/TTLN ngày 02/11/2012 quy định: Người bị thiệt hại chỉ được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất trong thời gian họ bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù. Ông Dương Văn H không thuộc trường hợp này nên không chấp nhận bồi thường.

4. Đối với các khoản thiệt hại khác, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng

Trị chỉ chấp nhận bồi thường cho ông Dương Văn H theo kết quả thương lượng ngày 14/6/2018 với số tiền 31.750.000 đồng; bao gồm: tiền thuê, luật sư, tư vấn, viết đơn là 5.750.000 đồng; tiền xăng xe đi lại 13.000.000 đồng; tiền thuê người đánh máy, in ấn tài liệu 13.000.000 đồng.

Ông Dương Văn H không cung cấp đầy đủ các chứng cứ để chứng minh, tuy nhiên do có thương lượng nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị chấp nhận khoản này cho ông H. Đối với khoản yêu cầu tiền thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị không chấp nhận vì không có hồ sơ chứng minh.

5. Đối với yêu cầu của nguyên đơn xin tạm ứng số tiền tổn thất tinh thần 465.270.909 đồng. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị không đồng ý yêu cầu này của ông Dương Văn H; Căn cứ theo Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2009 thì không có quy định tạm ứng kinh phí bồi thường.

Quá trình giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng:

Theo Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2017 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018 nên đề nghị Tòa án áp dụng theo luật mới đã quy định và buộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị cho nguyên đơn được ứng số tiền tổn thất tinh thần 465.270.909 đồng. Vì hiện tại nguyên đơn đang gặp nhiều khó khăn.

Tại phiên tòa, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị:

- Thay đổi người tham gia tố tụng ông Nguyễn Trường là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 259 tạm ngưng phiên tòa để giám định, định giá tài sản.

- Áp dụng khoản 7 Điều 3, Điều 22, 23, 24, 27, 28 và khoản 2 Điều 78 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2017 buộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị bồi thường toàn bộ số tiền 17.893.220.910 đồng cho ông Dương Văn H.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 3, khoản 7 Điều 26, Điều 31, Điều 47 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2009, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 78 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2017 chấp nhận một phần khởi kiện của ông Dương Văn H.

Buộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị bồi thường số tiền 264.575.000 đồng cho ông Dương Văn H.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 22, Điều 23, khoản 3 Điều 26, Điều 29, Điều 31, khoản 5 Điều 47 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009;

Căn cứ khoản 1 Điều 7 của Thông tư 05/2012/TTLT-VKSNDTC-; TANDTC-BCA-BTP-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 02/11/2012; khoản 2 Điều 3 Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định về mức lương cơ sở; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn H. Buộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phải bồi thường cho ông Dương Văn H số tiền 264.575.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tư triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), trong đó: Tiền tổn thất tinh thần là 232.825.000 đồng và các chi phí khác được bồi thường là 31.750.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Dương Văn H với số tiền 17.628.645.910 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/12/2018 nguyên đơn ông Dương Văn H kháng cáo toàn bộ bản án, với nội dung: Yêu cầu Tòa án buộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phải bồi thường thiệt hại về tinh thần là: 2 ngày lương cơ sở x 1.390.000 đồng/22 ngày x 3682 ngày=465.270.909 đồng; thiệt hại về tài sản là 16.286.900.000 đồng; thiệt hại thuê người bảo vệ và chi phí 113.750.000 đồng ; tổng cộng các thiệt hại là: 17.893.220.910 đồng, và cho rằng Tòa án sơ thẩm áp dụng Luật bồi thường Nhà nước năm 2009 để giải quyết là không đúng; quá trình giải quyết Tòa án không tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, thẩm định thiệt hại thực tế, không lấy lời khai người làm chứng; đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để áp dụng Luật bồi thường Nhà nước năm 2017 để giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Dương Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Ông trình bày quá trình khởi tố điều tra truy tố và xét xử ông cho đến khi ông có quyết định đình chỉ bị can ông không bị tạm giữ và bắt tạm giam; nhưng thiệt hại về kinh tế của ông là có thật nhưng Tòa án sơ thẩm

chưa điều tra xác minh; về việc trồng ươm cây cao su, ông đã xin phép Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị và được cho phép; đại diện cho Sở Nông nghiệp cho rằng ông không xin phép là không đúng; ông đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H trình bày: Về việc áp dụng pháp luật, Tòa án sơ thẩm đã áp dụng Luật bồi thường Nhà nước năm 2009 căn cứ vào khoản 1 Điều 78 Luật bồi thường nhà nước năm 2017 là không đúng pháp luật, trường hợp của ông Dương Văn H phải được áp dụng Luật bồi thường Nhà nước năm 2017 để giải quyết mới đúng theo khoản 2 Điều 78 Luật bồi thường Nhà nước năm 2017. Về thiệt hại tài sản của ông Hoà là có căn cứ; ông H bị khởi tố điều tra xét xử đến khi có quyết định đình chỉ điều tra là 10 năm; tòa án sơ thẩm chưa xác minh điều tra về các thiệt hại của ông H là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự; kết luận bản án không phù hợp với thực tế khách quan; do đó đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Đại diện Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị cho rằng: Việc ông H có ươm cây giống và kinh doanh cây giống như thế nào Sở không biết và ông H không có xin phép Sở, việc ươm cây và kinh doanh cây của ông H là không được phép vì ông làm chui; ông H đòi bồi thường là không có cơ sở.

Những người làm chứng đều trình bày trước đây ông H có thuê làm vườn cây nhưng giữa họ với ông H không có hợp đồng lao động chỉ nói miệng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng trị trình bày: Kháng cáo của ông Dương Văn H và luận cứ bảo vệ của người bảo vệ quyền lợi cho ông H là không có căn cứ chấp nhận; tuy nhiên, mức lương cơ sở đã thay đổi từ ngày 1/7/2018 từ 1.390.000 đồng lên 1.490.000, đồng; do đó Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đồng ý bồi thường về tổn thất tinh thần cho ông H ở mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng, đề nghị Tòa xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau: Về việc áp dụng pháp luật Tòa án sơ thẩm đã áp dụng Luật bồi thường Nhà nước năm 2009 và các văn bản hướng dẫn để giải quyết yêu cầu bồi thường của ông Dương Văn H là đúng pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật bồi thường Nhà nước năm 2017. Về nội dung Tòa án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các yêu cầu bồi thường của ông H, các quyết định của bản án sơ thẩm là đúng pháp luật, tại cấp phúc thẩm không có chứng cứ nào mới khác; do đó đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn H giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm

tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Văn H, thấy:

[1.1] Về việc áp dụng pháp luật giải quyết: Ngày 31/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị ra Quyết định số 02/QĐ-KSĐT-KT đình chỉ vụ án đối với bị can Dương Văn H và yêu cầu chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức hữu quan phục hồi các quyền và lợi ích hợp pháp đối với ông Dương Văn H. Ngày 14/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 871/QĐ-VKS-P7 về việc giải quyết bồi thường đối với ông Dương Văn H; không đồng ý với quyết định giải quyết bồi thường, ngày 28/6/2018 ông H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/7/2018. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý ngày 6/8/2017 (Thông báo thụ lý vụ án số 12/TB-TLVA ngày 6/8/2018). Khoản 1 Điều 78 Luật TNBTNN 2017 quy định: “1. Các trường hợp yêu cầu bồi thường đã được cơ quan giải quyết bồi thường thụ lý trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa giải quyết hoặc đang giải quyết thì tiếp tục áp dụng quy định của Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước số 35/2009/QH12 để giải quyết”; yêu cầu của ông Dương Văn H đã được cơ quan giải quyết bồi thường là Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý, giải quyết trước ngày Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 có hiệu lực (ngày 1/7/2017); do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, Tòa án sơ thẩm áp dụng Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước số 35/2009/QH12 năm 2009 để giải quyết yêu cầu bồi thường của ông Dương Văn H là đúng pháp luật.

[1.2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn H về các khoản thiệt hại mà ông yêu cầu bồi thường, thấy: Theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành (Thông tư số 05/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BQP-BTC-BNN và PTNT ngày 2/11/2012 của VKSNDTC, TANDTC, BCA, BTP, BQP, BTC, BNN và PTNT hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự), người bị oan chỉ được xem xét bồi thường thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút trong thời gian họ bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù; được xem xét bồi thường về tài sản đối với những tài sản bị kê biên, tịch thu, phát mại hoặc thi hành án. Đối với ông Dương Văn H trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng không tạm giữ, tạm giam ông H; không kê biên, phát mại hoặc gây thiệt hại trực tiếp đối với các tài sản của ông H. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các yêu cầu về bồi thường thiệt hại của ông H và giải quyết các khoản ông H được bồi thường là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đồng ý bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh

thần cho ông H theo mức lương cơ sở tính từ ngày 1/7/2018 là 1.490.000 đồng; việc tự nguyện bồi thường này có lợi cho ông H và theo quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 9/5/2019 của Chính phủ được Hội đồng xét xử chấp nhận; như vậy mức bồi thường về tổn thất tinh thần là 249.575.000 đồng (1.490.000 đồng/22 ngày x 1 ngày lương cơ sở x 3685 ngày). Do đó, Tòa án phúc thẩm chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Dương Văn H sửa bản án sơ thẩm về tăng mức bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần.

[2] Ông Dương Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Dương Văn H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, cụ thể như sau:

Căn cứ các Điều 26, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 22, Điều 23, khoản 3 Điều 26, Điều 29, Điều 31, khoản 5 Điều 47 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009; Căn cứ khoản 1 Điều 7 của Thông tư 05/2012/TTLT-VKSNDTC-; TANDTC-BCA-BTP-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 02/11/2012; khoản 2 Điều 3 Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 9/5/2019 của Chính phủ quy định về mức lương cơ sở; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn H. Buộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phải bồi thường cho ông Dương Văn H số tiền: 281.325.000 (Hai trăm tám mươi một triệu, ba trăm hai mươi lăm ngàn) đồng, trong đó: Tiền tổn thất tinh thần là: 249.575.000 (Hai trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng và các chi phí khác được bồi thường là: 31.750.000 (Ba mươi một triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Dương Văn H với số tiền: 17.611.895.910 (Mười bảy tỷ, sáu trăm mười một triệu, tám trăm chín mươi lăm ngàn, chín trăm mười) đồng.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phải chịu: 14.066.000 (Mười bốn triệu, không trăm sáu mươi sáu ngàn) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Văn H không phải chịu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn